

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày 20/6/2023.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Biên

Ông Nguyễn Ngọc Khuê

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Doãn Thị Luyện - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn Q, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, bản tự khai ngày 22/02/2023 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn chị Hoàng Thị N như sau:

Tôi (N) kết hôn với anh Trịnh Văn Q vào năm 2012, trên cơ sở tự nguyện cưới có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã V, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là tính tình không hợp, đối lập quan điểm sống; anh Q có tính gia trưởng, không có chính kiến thường bị tác động bởi bố mẹ, anh em, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xung đột; do mâu thuẫn trầm trọng, tôi và anh Q sống ly thân từ tháng 7/2022 đến nay, từ thời gian đó vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn,

mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Trịnh Văn Q.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 07/4/2013; Trịnh Duy A, sinh ngày 10/5/2017 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 17/11/2019; trước đây cháu Trịnh Duy A đang ở với tôi, cháu Trịnh Gia B và Trịnh Tuấn K đang ở với anh Q; trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án anh Q đưa cháu Trịnh Tuấn K ra ở với tôi và đón cháu tôi Trịnh Duy A về ở với anh Q; vậy nay tôi đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Tuấn K; anh Quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia B và Trịnh Duy A; không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị Hoàng Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản ghi lời khai ngày 23/02/2023 và lời trình bày tại Tòa án của bị đơn anh Trịnh Văn Q như sau:

Tôi và cô Hoàng Thị N tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 20/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn xảy ra; trong cuộc sống hằng ngày giữa vợ chồng cũng có lúc xảy ra những va chạm, xung đột, cãi chửi nhau qua lại, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không phải nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn; kể từ ngày 18/7/2022 cô N đã tự ý bỏ nhà đi, tôi đã động viên thuyết phục nhiều lần cô N quay về vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con chung, nhưng cô N không thay đổi; nay cô N đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi không đồng ý ly hôn, tôi yêu cầu đoàn tụ để vợ chồng cùng nuôi dạy con chung.

Về con: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 07/4/2013, Trịnh Duy A, sinh ngày 10/5/2017 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 17/11/2019; anh Q đề nghị được trực tiếp nuôi cả 03 cháu; không yêu cầu cô N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Theo biên bản xác minh ngày 03/3/2023 với Ủy ban nhân dân xã H: Anh Trịnh Văn Q và chị Hoàng Thị N là vợ chồng hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 20/4/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H; sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống làm ăn tại thôn Đ, xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh Q, chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, đã nhiều lần vợ chồng anh chị xảy ra xung đột, cãi chửi nhau, ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự thôn xóm. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của anh chị thì chính quyền địa phương không rõ. Hiện nay vợ chồng anh chị sống ly thân, chị N mang theo cháu Tuấn K về nhà bố mẹ đẻ ở xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống kể từ giữa năm 2022 đến nay.

Anh Q, chị N có 03 con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 07/4/2013, Trịnh Duy A, sinh ngày 10/5/2017 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 17/11/2019; hiện tại chị N làm công nhân may, anh Q làm lao động tự do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N về việc ly hôn; xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn giữa và anh Trịnh Văn Q; công nhận các cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 07/4/2013, Trịnh Duy A, sinh ngày 10/5/2017 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 17/11/2019 là con chung của chị N và anh Q; giao việc nuôi con cho chị N trực tiếp nuôi cháu Trịnh Tuấn K; giao việc nuôi con cho anh Q trực tiếp nuôi cháu Trịnh Gia B và Trịnh Duy A; về cấp dưỡng hai bên không yêu cầu nên không xem xét. Hai bên có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở; về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết. Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hoàng Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn Q có nơi cư trú ở xã V, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án triệu tập anh Trịnh Văn Q lần thứ nhất, anh Q vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Q vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Trịnh Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã V, huyện H cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 113 ngày 20/4/2012 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân nhân theo chị N trình bày là tính tình không hợp, đối lập quan điểm sống, anh Q có tính gia trưởng, không có chính kiến thường bị tác động bởi bố mẹ, anh em, từ đó vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, xung đột, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị giải quyết được ly hôn với anh Q; theo anh Q trình bày thì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, trong cuộc sống hằng ngày giữa vợ chồng cũng có lúc xảy ra những va chạm, xung đột, cãi chửi nhau qua lại, đó

không phải nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, nên anh Q đề nghị được về đoàn tụ; xét thấy cuộc sống vợ chồng chị N và anh Q chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn chị N cho rằng mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị ly hôn, anh Q thì cho rằng vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ không phải ly hôn; nhưng thấy rằng hai bên đều thừa nhận là có mâu thuẫn, theo xác minh tại địa phương thể hiện “Quá trình chung sống giữa vợ chồng anh Q, chị N xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng, đã nhiều lần vợ chồng anh chị xảy ra xung đột, cãi chửi nhau, ảnh hưởng tới tình hình an ninh trật tự thôn xóm” và kể từ tháng 7 năm 2022 chị N, anh Q đã sống ly thân, hai bên không có quan tâm đến nhau, điều đó thể hiện không còn tình cảm vợ chồng với nhau; mặt khác anh Q muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì để hòa giải cải thiện quan hệ vợ chồng, quá trình Tòa án giải quyết anh Q không có mặt tại để Tòa án có thể hòa giải mà thể hiện sự bỏ mặc, thể hiện anh cũng không thiết tha mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó về tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh Q không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét giải quyết cho chị N và anh Q ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con: Chị Hoàng Thị N và anh Trịnh Văn Q có 03 con chung là Trịnh Gia B, sinh ngày 07/4/2013; Trịnh Duy A, sinh ngày 10/5/2017 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 17/11/2019; hiện nay cháu Trịnh Duy A đang ở với chị N, cháu Trịnh Gia B và Trịnh Tuấn K đang ở với anh Q; hai bên đều có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa chị N yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Tuấn K và để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia B và Trịnh Duy A. Xét về nguyện vọng được nuôi con của chị N và anh Q đều là chính đáng, đó là quyền và cũng là nghĩa vụ của cha mẹ với con chưa thành niên; nhưng thấy rằng hiện nay cháu Trịnh Tuấn K đang ở với chị N, cháu Trịnh Gia B và Trịnh Duy A đang ở với anh Q, để tránh sự xáo trộn cuộc sống sinh hoạt, học tập ổn định của các cháu nên tiếp tục để các cháu lâu nay đang ở với ai tiếp tục ở với người đó; mặt khác cháu Trịnh Tuấn K hiện nay đang có nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ hơn; việc giao cả 03 con cho anh Q theo yêu cầu của anh thấy rằng có thể rất khó khăn cho anh Q trong việc chăm sóc nuôi dưỡng cả 03 cháu, anh Q hiện nay nghề nghiệp lao động tự do thu nhập không ổn định nên sẽ khó khăn cho việc bảo đảm cuộc sống học tập của cả 03 cháu; do đó giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Tuấn K; giao cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Gia B và Trịnh Duy A là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị N và anh Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị N ly hôn anh Trịnh Văn Q.

Về con: Chị Hoàng Thị N và anh Trịnh Văn Q có 03 con chung là cháu Trịnh Gia B, sinh ngày 07/4/2013; Trịnh Duy A, sinh ngày 10/5/2017 và Trịnh Tuấn K, sinh ngày 17/11/2019; giao cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Tuấn K; giao cho anh Trịnh Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trịnh Gia B và cháu Trịnh Duy A; chị Hoàng Thị N và anh Trịnh Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Hoàng Thị N và anh Trịnh Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Hai bên không yêu cầu giải quyết.

Án phí: Chị Hoàng Thị N chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung theo biên lai thu số AA/0004480 ngày 17/02/2023 (Chị N đã thi hành xong).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án mà người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Hoàng Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm; bị đơn anh Trịnh Văn Q được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Chi cục THADS huyện Hà Trung;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng